TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2024
Về việc: "Yêu cầu không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Vạn và ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên toà: Bà Kiều Thị Thành - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lan H - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2015 bà Q và ông B chuyển đến tổ dân phố B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông sinh sống cho đến nay.

Quá trình chung sống, bà Q và ông B có 03 người con chung gồm: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 16/5/2007. Các con chung là Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Hoàng N1 đã trên 18 tuổi, còn Nguyễn Thị Tuyết A hiện đang là học sinh.

Cuộc sống chung không hạnh phúc nên ngày 07/3/2024 bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông B là vợ chồng; yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Thị Tuyết A cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, ông B xác nhận giữa ông và bà Q có mâu thuẫn, tuy nhiên chưa đến mức phải chấm dứt cuộc sống chung vợ chồng, ông mong muốn hàn gắn mâu thuẫn với bà Q để lo cho tương lai các con chung, trường hợp bà Q cương quyết yêu cầu chấm dứt cuộc sống chung vợ chồng thì ông chấp nhận; đồng ý giao con chung là Nguyễn Thị Tuyết A cho bà Q nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Tuyên bố bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B không phải là vợ chồng, giao con chung Nguyễn Thị Tuyết A cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn B cư trú tại tổ dân phố B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu không công nhận bà và ông B là vợ chồng. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo quy định khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q khai nhận bà chung sống với ông Nguyễn Văn B là hoàn hoàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung hiện tại không hạnh phúc, bà Q không muốn tiếp tục chung sống với ông B và yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông B là vợ chồng.

Tại văn bản số 208/UBND-XNTTHN ngày 23/4/2024 UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk xác nhận: Trong thời gian cư trú tại xã X từ năm 1994 đến tháng 02/2015 bà Nguyễn Thị Q chung sống như vợ chồng với ông Nguyễn Văn B, chưa đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 02/5/2024, Ủy ban nhân dân phường N xác nhận:

Từ tháng 01/2015 đến nay bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B chưa đăng ký kết hôn tại UBND phường N.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này".

Do đó, có căn cứ tuyên bố bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B không phải là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B có 03 con chung gồm: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 16/5/2007. Hiện tại cháu Nguyễn Thị Tuyết A chưa đủ 18 tuổi; bà Q yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con; cháu Tuyết A có nguyện vọng được ở với bà Q; ông B đồng ý giao cháu Tuyết A cho bà Q nuôi dưỡng. Do đó cần giao con chung là Nguyễn Thị Tuyết A cho bà Q nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 228, 235, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng.

2. Giao con chung Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 16/5/2007 cho bà Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007028 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS Tp Gia Nghĩa;
- UBND xã Ea Ktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường Nghĩa Đức, Tp Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm